

Số: 06/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 15 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài
chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 21025; Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách
nhà nước năm 2024.

Xét Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra số
10/BC-KTNS ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 từ nguồn thu
tiền sử dụng đất và xỏ số kiến thiết như sau:

1. Bổ sung tổng nguồn và chi tiết kế hoạch năm 2024 với số tiền
288.549,925 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 chuyển sang năm
2024 để thực hiện hoàn ứng.

(Phụ lục 01, 02 kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2024 số tiền 30.000 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

(Phụ lục số 03 kèm theo)

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi số tiền 20.231 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững số tiền 14.642 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới số tiền 74.127 triệu đồng (Nguồn thu tiền sử dụng đất: 60.127 triệu đồng; Xổ số kiến thiết: 14.000 triệu đồng).

(Phụ lục số 04, 05, 06 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng



Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TỔNG NGUỒN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch năm sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
A	Tổng nguồn KH 2024 Ngân sách tỉnh	7.345.122,000	288.549,925	7.633.671,925	
	<i>Trong đó:</i>				
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 chuyển sang năm 2024	0,000	288.549,925	288.549,925	Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm

TH *MLA*

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH CHI TIẾT NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đvt: triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch điều chỉnh tăng	Ghi chú
	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024	288.549,925	
I	Ban Quản ký KKT	13.249,300	
	Dự án Sửa chữa nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 1)	13.249,300	
II	Ban QLDA Giao thông tỉnh	184.391,719	
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, TP Quy Nhơn (Đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	6.000,000	
2	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	51.000,000	
3	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đề Gi - Mỹ Thành	40.000,000	
4	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	46.923,396	
5	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hào Tây	1.400,000	
6	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	3.496,884	
7	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Ván)	4.000,000	
8	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	25.000,000	
9	Tuyến đường Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1	6.571,439	
III	Sở Giao thông vận tải	5.000,000	
	Xây dựng cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	5.000,000	
IV	Ban QLDA nông nghiệp và PTNT	40.000,000	
1	Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	5.000,000	
2	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	33.400,000	
3	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	1.600,000	
V	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	45.908,906	
1	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	3.000,000	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài	24.949,879	
3	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	17.959,027	

Tr *M*



Phụ lục 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	TMDT	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
A	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									
*	Điều chỉnh giảm							-30.000,000		
1	CÁC CÔNG TRÌNH HA TẦNG PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẤT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH						1.106.219,000	-30.000,000	1.076.219,000	(*)
*	Điều chỉnh tăng							30.000,000		
1	Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn	Ban QLDA GT	4874/QĐ-UBND 28/12/2023	79.285,004	79.285,004	20.000,000	0,000	15.000,000	15.000,000	
2	Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ	TT NS và VSMT nông thôn	4953/QĐ-UBND 29/12/2023	106.305,000	101.912,000	57.900,000	0,000	10.000,000	10.000,000	
3	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Văn Canh	TT NS và VSMT nông thôn	20/QĐ-SKHĐT 22/01/2024	14.985,000	11.440,000	5.900,000	0,000	5.000,000	5.000,000	

Ghi chú: (*): Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết danh mục theo phụ lục 06 của Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 các Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung

[Handwritten signature]



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
+	Xã Bók Tới	480	
1	Xây dựng mới trường Mầm non Bók Tới	90	
2	Kênh mương tưới ruộng thôn T4, thôn T5	42	
3	Kênh mương tưới ruộng thôn T1, thôn T2	75	
4	Nâng cấp, mở rộng từ cầu cây Cam đến cầu cây Tùng	273	
+	Xã Đăk Mang	483	
1	Nâng cấp, mở rộng từ cầu Nước Lương đến thôn T6	68	
2	Nhà văn hóa xã	240	
3	BTXM đường liên xóm thôn O11, thôn T6	45	
4	BTN đường đến trung tâm xã ĐakMang	100	
5	Kênh mương nội đồng từ ruộng Đình Văn Thành đến ruộng Đình Bok Kim	30	
-	Huyện An Lão	4.175	
+	Xã An Dũng	521	
1	Đường giao thông từ thôn 1 đến khu sản xuất đập Tà Loang và từ làng thôn 3 đến Đồng Talong	45	
2	Đường giao thông từ chân đập Hồ Đồng Mít đến làng cũ của xã An Dũng Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	371	
3	Khu sinh hoạt văn hóa, thể thao xã An Dũng Hạng mục: Cổng, tường rào, sân thể thao và các hạng mục khác	105	
+	Xã An Hưng	516	
1	Kiên cố hóa kênh mương Thôn 3, Thôn 5 xã An Hưng	150	
2	Điện khu giãn dân Thôn 1, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, xã An Hưng	102	
3	Đường giao thông liên xã từ thôn 3 đến giáp Ba Trang Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	264	
+	Xã An Nghĩa	515	
1	Kiên cố hóa kênh mương ruộng Lâm và ruộng Xuân xã An Nghĩa	90	
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông các thôn xã An Nghĩa	95	
3	Tường chắn lấy nước và kênh mương ruộng Cà Nham	60	
4	Trường Tiểu học xã An Nghĩa Hạng mục: Xây dựng nhà công vụ, nhà hiệu bộ, phòng học văn hóa và các hạng mục khác	105	
5	Nhà văn hóa thôn 2, xã An Nghĩa Hạng mục: Nhà văn hóa và các hạng mục khác	90	
6	Nâng cấp hệ thống nước sạch xã An Nghĩa (Thôn 1, Thôn 2)	75	
+	Xã An Quang	514	
1	Kiên cố hoá kênh mương Thôn 2, Thôn 3 xã An Quang	90	
2	Kiên cố hoá kênh mương Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6 xã An Quang	150	
3	Hệ thống điện khu dân cư Thôn 2, Thôn 3 Thôn 4, Thôn 6 xã An Quang	120	
4	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng Cầu bến nhơn đến UBND xã An Quang	154	
+	Xã An Tân	65	
1	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Gò đồn	65	
+	Xã An Toàn	524	
1	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 3	5	

**KẾ HOẠCH VỐN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ	20.231	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	466	
<i>a</i>	<i>Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất</i>	<i>412</i>	
1	Huyện Hoài Ân	89	
2	Huyện An Lão	76	
3	Huyện Tây Sơn	66	
4	Huyện Vĩnh Thạnh	101	
5	Huyện Vân Canh	80	
<i>b</i>	<i>Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</i>	<i>54</i>	
-	<i>Huyện Vân Canh</i>	<i>54</i>	
1	Xây dựng hệ thống nước tự chảy suối Đắc Toát làng Kà Nâu	54	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	3.757	
-	<i>Huyện Hoài Ân</i>	<i>253</i>	
1	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok)	253	
-	<i>Huyện An Lão</i>	<i>2.468</i>	
1	Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung	1.939	
2	Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn	529	
-	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>	<i>355</i>	
1	Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn	355	
-	<i>Huyện Vân Canh</i>	<i>681</i>	
1	Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp	681	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	11.756	
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	<i>11.756</i>	
-	<i>Huyện Hoài Ân</i>	<i>1.449</i>	
+	Xã Ân Sơn	486	
1	Sửa chữa nâng cấp Trường Tiểu học Đak Mang (điểm Ân Sơn), Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và tường rào, cổng ngõ	66	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào hồ Vạn Hội	11	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu thác đổ vào đồng Nhà Mười	180	
4	Nâng cấp đập, hệ thống tưới đồng Nhà Mười	229	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
2	Nâng cấp đập và kênh mương Thôn 1	83	
3	Đường giao thông Thôn 2, xã An Toàn Hạng mục: Công trình thoát nước và các hạng mục khác	76	
4	Đường giao thông Thôn 3, xã An Toàn	90	
5	Đường giao thông Thôn 1, xã An Toàn	90	
6	Xây dựng mới hệ thống nước sinh hoạt Thôn 3, xã An Toàn	90	
7	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Thôn 1 xã An Toàn	90	
+	Xã An Trung	517	
1	Đường giao thông nội bộ trung tâm xã đến các thôn	127	
2	Đường GTNT từ làng Phê Đến Làng Nước Lội; từ đường Liên xã đến Đập Rà Ngâm; từ làng phê thôn 5 đến Nhà văn hóa Thôn 8	270	
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng từ thị trấn đến UBND xã An Trung	120	
+	Xã An Vinh	519	
1	Xây dựng kênh mương Thôn 5, xã An Vinh	11	
2	Kiên cố hóa kênh mương Thôn 1, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 6, Thôn 7, xã An Vinh	225	
3	Nước sinh hoạt thôn 5, xã An Vinh Hạng mục: Đập đầu mối, đường ống dẫn nước, bể nước và các hạng mục khác	118	
4	Khu văn hóa, thể thao xã An Vinh Hạng mục: Sân thể thao và các hạng mục khác	90	
5	Nâng cấp tuyến đường từ Cầu Hlong hoai đến Thôn 2	75	
+	Thị trấn An Lão	484	
1	Đường giao thông nội bộ Thôn 7 và thôn Hưng Nhơn, thị trấn An Lão	50	
2	Kiên cố hoá kênh mương thị trấn An Lão (Đồng 5%; đồng Bà Đồng; đồng Hưng Nhơn; đồng Vồ Mới)	127	
3	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hoá thôn (thôn Hưng Nhơn Bắc; Thôn 9; thôn Gò Búi)	90	
4	Nâng cấp 02 phòng học trường mầm non trên địa bàn	90	
5	Nâng cấp điện chiếu sáng trên địa bàn thị trấn	127	
-	Huyện Tây Sơn	778	
+	Xã Vĩnh An	521	
1	Nâng cấp kênh mương từ ruộng Đình Ấp đến ruộng Đình Mích	21	
2	Mở rộng đường từ nhà Đình Ráp đến rẫy Đình Thị Trâm.	38	
3	Mở rộng đường từ nhà Đình Cung đến rẫy bằng lát.	38	
4	Sân thể thao làng Xà Tang	75	
5	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng Mẫu chè đến rẫy Đình Hương	120	
6	Xây kênh thoát lũ từ bầu Hồng đến suối Gọt	98	
7	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy 3 Đức đến rẫy Đình Tô	86	
8	Nâng cấp đường BTXM từ nghĩa trang nhân dân xã đến bản tin Dốc dài	45	
+	Xã Tây Xuân (Thôn Đồng Sim)	65	
1	BTXM tuyến từ nhà ông Ly đến hồ Thủy Dê	35	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
2	Bê tông xi măng tuyến từ nhà Đình Lanh đến ruộng cải tạo Thủy Dê	30	
+	Xây dựng, cải tạo chợ vùng DTTS&MN	192	
1	Xây dựng Chợ xã Vĩnh An	192	
-	Huyện Vĩnh Thạnh	2.821	
+	Xã Vĩnh Hảo (Thôn Tà Điệt)	65	
1	Xây dựng tường rào nhà văn hóa, sân bóng đá mini thôn Tà Điệt	34	
2	Đường BTXM từ nhà văn hóa thôn Tà Điệt đến ruộng Bàu Trung; từ trại Đình Dươn đến núi Hòn Nhọn	31	
+	Xã Vĩnh Hiệp	523	
1	BTXM đường từ đường ĐH29 đến Đất Tranh, xã Vĩnh Hiệp	150	
2	BTXM đường từ trụ sở thôn Vĩnh Thọ đến mặt đập	147	
3	BTXM đường từ ruộng ông Lịch đến thủy điện cũ, xã Vĩnh Hiệp	226	
+	Xã Vĩnh Hòa	504	
1	Nâng cấp, cấp phối sỏi dôi từ nhà ông Phạm Hồng Linh đến Sông Kôn	15	
2	Nâng cấp, cấp phối đường giao thông nội đồng	90	
3	BTXM đường giao thông các thôn trong xã Vĩnh Hòa	309	
4	BTXM đường vào khu sản xuất Sân Cu thôn M8	90	
+	Xã Vĩnh Kim	503	
1	Mở đường sản xuất từ nhà ông Đinh Ngheo đến rừng ma suối nước Dơi	8	
2	BTXM kênh mương đầu làng Kon Trú (Đầu đập suối nước xăng - ruộng Bá Truyền; Đầu đập suối nước Xiêm - ruộng Bók Na)	15	
3	BTXM đường giao thông các thôn	315	
4	Mở rộng nhà rông thôn Đắc Tra, O3	45	
5	Mở đường sản xuất từ rừng ma thôn O3 đến giáp suối nước Ca pung	120	
+	Xã Vĩnh Sơn	495	
1	Đường vào khu sản xuất ruộng Gní	150	
2	Đường vào khu ruộng các thôn	225	
3	BTXM đường vào nghĩa địa các thôn	120	
+	Xã Vĩnh Thịnh (Thôn M2 và thôn M3)	103	
1	Kênh mương nội đồng thôn M2	30	
2	Mở rộng hệ thống điện khu dân cư thôn M3	73	
+	Xã Vĩnh Thuận	498	
1	Đường từ rẫy ông Đình Văn Chát đi vào khu sản xuất làng 7 xã Vĩnh Thuận	33	
2	Hệ thống điện khu dân cư mới các làng xã Vĩnh Thuận	90	
3	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã Vĩnh Thuận	297	
4	BTXM kênh mương nội đồng các làng thuộc xã Vĩnh Thuận	78	
+	Thị trấn Vĩnh Thạnh (Khu phố Kon Kring và Khu phố Klot Pok)	130	
1	Hệ thống thoát nước khu dân cư	3	



	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
2	BTXM đường vào các khu sản xuất Kon Kring	9	
3	Nhà văn hóa khu phố KonKring. Hạng mục: BTXM sân nền + tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh	53	
4	Nhà văn hóa khu phố Klot Pok. Hạng mục: BTXM sân nền + tường rào cổng ngõ	65	
-	Huyện Vân Canh		
+	Xã Canh Hiệp	2.533	
1	BTXM tuyến đường nội bộ xã Canh Hiệp	518	
2	Làm cầu tràn qua khu sản xuất Canh Giao	23	
3	Kè khu dân cư làng Suối Đá (Từ cầu bản đường phía Tây đến đường sắt)	70	
+	Xã Canh Hòa	425	
		520	
1	Công trình: Nâng cấp đường BTXM, cống bi thoát nước từ làng Hòn Mè đi làng Canh Lãnh xã Canh Hòa	90	
2	XD đường BTXM từ đất ông Lũy đến đất ông Trị làng Canh Lãnh	255	
3	Đường BTXM từ Suối Dú đến đất ông Bình	23	
4	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Mỗn (2 đoạn)	53	
5	Đường BTXM từ đất nhà Dũng đến chân đồi Đại Hàn	53	
6	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Ôt (cây Cây)	46	
+	Xã Canh Liên	517	
1	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba Hà Giao đến Kà Nâu (giai đoạn 1)	72	
2	Xây dựng đường BTXM từ ruộng ông Vững đến khu sản xuất suối Cút	54	
3	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ làng Hà giao đến làng Kon Lót, làng Chôm, làng Cát, làng Kà Bông, làng Kà Bưng, làng Kà Nâu (giai đoạn 2)	391	
+	Xã Canh Thuận	504	
1	Đường nối tiếp BTXM từ đường Hòn Lui đến thị trấn (HM: BTXM mặt đường và rãnh thoát nước)	195	
2	Xây dựng tuyến đường BTXM từ ruộng sạ đến suối Gấu	18	
3	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đất ông Tầm đi đến suối Kết	18	
4	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đường liên xã đến dốc Công Cha Rang	14	
5	Bê tông hóa tuyến từ đường liên xã vào khu sản xuất Hà Văn Dưới	32	
6	XD Kè từ cầu Canh Sơn đến nhà ông Thắng xóm mới làng Hà Lũy	227	
+	Thị trấn Vân Canh	474	
1	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đi Cụm Công nghiệp thị trấn	145	
2	Đường BTXM từ Đất ông Nhứt đến Trường THCS thị trấn Vân Canh	150	
3	Xây dựng Cống tràn Đắc Đâm và cống tràn Suối Kết	102	
4	Đường BTXM từ Nhà ông Hợp đến nhà Văn hóa Hiệp Hội	77	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.624	
	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNTN), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</i>	2.624	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	893	
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT An Lão	443	
	- HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa và sân bê tông, lối đi Khu sinh hoạt giáo dục văn hóa	194	
	-HM: Sửa chữa Nhà lớp học 03 tầng 15 phòng, Nhà đa năng, Nhà lớp học bộ môn, Nhà hiệu bộ, đổ bê tông sân trường tại cơ sở 1; Sửa chữa Nhà hiệu bộ tại cơ sở 2	249	
2	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Vân Canh	450	
	- HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa; Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ, tường rào mặt sau giáp Suối nước và nâng nền xung quanh	300	
	- HM: Xây dựng bổ sung 02 phòng học; Sửa chữa Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng và Nhà ở học sinh 20 phòng	150	
-	Huyện Hoài Ân	352	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Hoài Ân	352	
	- Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp Dãy nhà ở học sinh, dãy B (24 phòng)	352	
-	Huyện An Lão	307	
1	Trường PTDTBT An Lão	307	
	- Xây dựng các phòng bộ môn	307	
-	Huyện Tây Sơn	152	
1	Trường PTDT bán trú Tây Sơn; hạng mục nhà bộ môn 2 tầng, 04 phòng	152	
-	Huyện Vĩnh Thạnh	392	
1	Trường PTDT Bán trú THCS Vĩnh Sơn; hạng mục: Xây mới 04 phòng học bộ môn - 2 tầng	176	
2	Trường PTDTBT TH & THCS Vĩnh Kim	216	
-	Huyện Vân Canh	528	
1	Trường PTDT bán trú Canh Liên (xây mới phòng ở cho học sinh - 10 phòng ở bán trú)	282	
2	Trường PTDTBT Canh Thuận. HM: Xây mới 10 phòng ở cho học sinh bán trú; cải tạo nâng cấp nhà ăn, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	246	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.628	
-	Sở Văn hóa và Thể thao (25%)	447	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Gộp Nước Ló xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	447	
-	Sở Du lịch (5%)	89	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn 1, xã An Toàn, huyện An Lão	89	
-	Phân bổ cho các huyện (70%) theo tiêu chí, định mức	1.092	
+	Huyện Hoài Ân	82	
1	Cải tạo các Nhà văn hóa thôn 2 - xã Ân Sơn	23	
2	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn T2, xã Bok Tới	59	
+	Huyện An Lão	73	
1	Đầu tư xây dựng mới nhà văn hóa Thôn 5 - xã An Quang	42	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
2 ★	Đầu tư xây dựng mới nhà văn hóa Thôn 6 - xã An Quang	31	
+	Huyện Tây Sơn	42	
1	Cải tạo Nhà văn hóa làng Xà Tang và làng Kon Mon xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	4	
2	Cải tạo nhà văn hóa làng Kon Giọt 1 và Kon Giọt 2, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	25	
3	Cải tạo nhà văn hóa làng Kon Giang, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	13	
+	Huyện Vĩnh Thạnh	597	
1	Cải tạo nhà văn hóa - Khu thể thao Làng 6 và Làng 8 xã Vĩnh Thuận	81	
2	Xây dựng công trình thể thao thôn K6, thôn Đăk Tra, xã Vĩnh Kim	81	
3	Cải tạo nhà văn hóa, khu thể thao thôn O3, O5, xã Vĩnh Kim	232	
4	Cải tạo nhà văn hóa, khu thể thao Làng 1, Làng 5 và Làng 7 xã Vĩnh Thuận	203	
+	Huyện Vân Canh	298	
1	Xây dựng mới nhà văn hoá - khu thể thao làng Cát, xã Canh Liên	95	
2	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu làng Hà Văn Trên, xã Canh Thuận, huyện Vân Canh	203	

Thư *Mb*





Phụ lục 05

KẾ HOẠCH VỐN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	14.642	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo	9.821	
*	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại huyện nghèo An Lão</i>	6.412	
-	Lĩnh vực giao thông		
1	Đường từ Thôn 2, Thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân	396	
2	Đường bao Thôn 2, thị trấn An Lão	439	
3	Đường giao thôn Thôn 1, Thôn 4 xã An Dũng	436	
4	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã An Hòa	90	
5	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã An Tân	76	
6	Đường từ Thôn 1 đến ruộng Ram, An Toàn	269	
7	Đường từ Thôn 6 An Quang đến thác 04 tầng	473	
8	Đường giao thông liên xã từ Thôn 3 đến giáp Ba Trang Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	540	
9	Đường bao Thôn 2, thị trấn An Lão (giai đoạn 2)	540	
-	Lĩnh vực thủy lợi		
1	Đê sông An Lão (Đoạn Vạn Long - Vạn Khánh - Trà Cong)	1.065	
2	Kiên cố hoá kênh mương năm 2023-2025	230	
3	Kênh mương Suối Đá thôn Trà Cong	356	
-	Lĩnh vực giáo dục		
1	Trường Tiểu học số 1 An Hòa	138	
2	Trường TH Số 2 An Hòa (Phòng học, phòng đa năng, phòng mỹ thuật)	176	
3	Trường MN An Hòa: Xây dựng 01 phòng hội đồng; 01 phòng GD nghệ thuật	41	
4	Trường THCS An Hòa: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn	267	
5	Trường THCS An Tân: Xây dựng nhà đa năng	68	
6	Trường MN An Tân	108	
7	Trường TH An Tân	122	
-	Lĩnh vực y tế		
1	Trạm y tế xã An Tân	102	
2	Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã An Hưng	60	
3	Xây dựng mới trạm y tế xã An Quang	41	
4	Xây dựng mới trạm y tế xã An Trung	41	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NST đối ứng năm 2024	Ghi chú
-	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật		
1	Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bo thôn 2,3,4 xã An Quang	135	
2	Nâng cấp, đầu tư mới một số tuyến điện trên toàn huyện	203	
*	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	3.409	
1	Cầu Bến Nhơn	2.025	
2	Cầu Sông Đinh	1.384	
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4.821	
*	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	4.128	
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	2.083	
	- Dự án đầu tư ngành, nghề trọng điểm đến năm 2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	2.083	
2	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	2.045	
	- Công trình Sửa chữa Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định (Hạng mục: Sửa chữa các phòng học thực hành thuộc khối nhà 4 tầng, bề an toàn sinh học, các hạng mục phụ trợ khác Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Sân bê tông, thoát nước Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo)		
	- Mua sắm trang thiết bị đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược và kỹ thuật xét nghiệm Y học của Trường Cao đẳng Y tế năm 2024	2.045	
*	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	693	
1	Trung tâm DVVL Bình Định	693	

Handwritten signatures and initials.



Phụ lục 06

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG NĂM 2024 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
	TỔNG CỘNG	74.127,000	60.127,000	14.000,000	
1	Huyện Phù Mỹ	8.500,000	8.400,00	100,00	
1.1	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2022				
	Xã Mỹ Châu	1.750,000	1.750,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	0,000			
	Tiêu chí: Giao thông				
	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Mỹ Trang Hạng mục: Đoạn 1: Từ tuyến Ao Giang đến Cầu đội 7. Đoạn 2 từ ngõ Tư Lương đến Cầu đội 9. Đoạn 3 Từ đám bà Thắm đến đám bà Trinh	200,000	200,000		
	Mở rộng đường đi Hóc môn đến nhà ông Chử	200,000	200,000		
	Mở rộng đường từ nhà ông Ôn đến kho đội 4 Lộc Thái	300,000	300,000		
	Xây dựng điểm công viên công cộng của xã tại điểm Trụ sở thôn cũ (Trà Thung)	300,000	300,000		
	Xây dựng điểm công viên công cộng của xã tại điểm Trường Đình (Châu Trúc)	300,000	300,000		
	Xây dựng điểm công viên công cộng của xã tại điểm Cây Sộp (Trà Thung)	200,000	200,000		
	Từ QL1A (nhà bà Mai) đến đường đi thôn Vạn Thiện	250,000	250,000		
	Xã Mỹ Quang	1.750,000	1.750,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	0,000			
	Tiêu chí: Giao thông				
	BTXM đường từ nhà ông Quyên đi nhà ông Pháp	220,000	220,000		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
	Tuyến đường từ nhà Sừu đến Bàu Trai	150,000	150,000		
	Tuyến đường từ nhà ông Sơn đến Gò Ké	220,000	220,000		
	Tuyến đường từ Lỗ bom đến Gò củ	80,000	80,000		
	Tuyến đường từ nhà ông Ba đến Mương ngang Cầu Tre	140,000	140,000		
	BTXM nhà ông Chúng đến trụ sở thôn Trung Thành 4	165,000	165,000		
	BTXM từ nhà ông Quyết đến thôn Trung Thành 2	200,000	200,000		
	Tuyến đường từ Cống Nhãn đến Đập Thuận	160,000	160,000		
	Tuyến đường từ nhà ông Hà đến Cống Nhãn	70,000	70,000		
	Tuyến đường từ ngõ Vinh đến Rẫy	120,000	120,000		
	Tuyến đường từ Cầu Thanh niên đến nhà ông Hồ Xuân Phương	120,000	120,000		
	Tuyến đường từ nhà ông Tô Văn Lên qua Rẫy	100,000	100,000		
	Tuyến đường từ Ngõ hiền đi đồng Suối cả	5,000	5,000		
1.2	Hỗ trợ vốn xã NTM mới bổ sung năm 2023				
	Xã Mỹ Chánh	3.000,000	2.900,000	100,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT đường từ đường ĐT 632 đi nhà văn hóa thôn An Lương, L=266m	100,000	100,000		
	Đường GTNT Nội đồng Chánh Thiện, đường loại B, L=468m	100,000	100,000		
	Đường GTNT từ nhà ông Tâm đến đường tránh Nhà Đá -An Lương, đường loại B, L=325m	100,000	100,000		



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ĐT 639 thôn An Hòa đến giáp đường đi Trung Tường Mỹ Chánh Tây, L=1129m	200,000	200,000		
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ĐT632 (đoạn từ ngã ba Phố Hoà đến Chợ cũ và các nhánh rẽ)	150,000	150,000		
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ cổng làng văn hoa thôn Hiệp An đến giáp đường Nhà Đá-An Lương thôn Đông An, L=910m	150,000	150,000		
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ Gò Trầm đến giáp đê Lương Trung, L=1103m	150,000	150,000		
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT Xung quanh Chợ cũ, L=190m	50,000	50,000		
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ Hiệp An đến Gò Trầm và các nhánh rẽ	200,000	200,000		
	Tiêu chí: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				
	Kiên cố hóa kênh mương từ nhà ông Phúc đến nhà cô Loan	100,000	100,000		
	KCH kênh mương đồng An Hoan	50,000	50,000		
	KCH kênh mương đồng Lương Trung	50,000	50,000		
	KCH kênh mương đồng Công Trung	50,000	50,000		
	Mương thoát nước từ cổng An Xuyên 1 đi Sông Cạn (nhà ông Lại Văn A).	100,000	100,000		
	KCH kênh mương từ nhà Cô Loan đến giáp cổng nhà Tâm thôn Chánh An	150,000	150,000		
	Tiêu chí: Điện				
	Hệ thống điện tuyến đường Nhà Đá An Lương và tuyến đường từ cầu Đập Cầu đến giáp đường đi trung Tường	100,000	100,000		
	Điện thấp sáng các thôn trong xã, L=5.000m	100,000	100,000		
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Sửa chữa nhà vệ sinh và xây dựng bếp ăn một chiều trường mầm non Mỹ Chánh (Điểm trường Chánh An)	100,000		100,000	
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Nhà văn hóa thôn Chánh Thiện	200,000	200,000		
	Nhà văn hóa thôn An Hoan	200,000	200,000		
	Nhà văn hóa thôn An Lương	200,000	200,000		
	Nhà văn hóa thôn Hiệp An	200,000	200,000		
	Nhà văn hóa thôn Lương Thái	200,000	200,000		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
1.3	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM nâng cao năm 2024				
	Xã Mỹ Trinh	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trà Lương	300,000	300,000		
	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trung Hội	300,000	300,000		
	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Lạc Sơn	300,000	300,000		
	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Trinh Văn Bắc	300,000	300,000		
	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Chánh Thuận	300,000	300,000		
	Tiêu chí: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				
	Nâng cấp và xây dựng chợ Hạng mục: Sửa chữa nhà chợ chính và khu kinh doanh hàng cá, hàng thịt	500,000	500,000		
2	Huyện Phù Cát	12.085,852	11.208,85	877,00	
2.1	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2021				
	Xã Cát Minh	2.300,000	2.300,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông xã Cát Minh để đạt tiêu chí giao thông của xã nông thôn mới nâng cao năm 2021 - Tuyến: Từ đường ĐT 633 đến An Trị đến ngã tư Trung An; tuyến: Từ ngã tư Trung An đến giáp xã Cát Tài; tuyến: Từ ĐT 633 đến cầu Bến Đò (Đoạn từ nhà thầy Thành đến cầu Bến Đò); tuyến: Từ đường ĐT 633 - giáp xã Mỹ Cát và tuyến: Từ đường ĐT 633 - đến Trung Bình, thôn Trung Chánh	2.300,000	2.300,000		
	Xã Cát Hưng	2.300,000	2.300,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
	Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: Nhà 4 Tháng-Dốc gò, Tuyến QL 19B-Trần Quyết Canh	195,000	195,000		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: Trạm bơm-Mương thứ 5.	150,000	150,000		
	Đường BTXM GTNT xã Cát Hưng; Tuyến: Nhà Đậu - Hồ Dội	195,000	195,000		
	Tiêu chí: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ 9 Sào đến Thủy Đái	504,000	504,000		
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Đập Quang đến Đường BT Đồng Năng; tuyến từ Chợ Quán Rường đến Đất Điền	190,000	190,000		
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Cây Trâm đến bờ Sông Sa	392,000	392,000		
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Lỗ Ông Trứ - Đường 202	609,000	609,000		
	Kênh BTXM nội đồng, tuyến từ Sông Kôn đến nhà ông Nguyễn Trọng Long, tuyến từ đường liên huyện đến mương Thủ Lý	65,000	65,000		
2.2	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2022				
	Xã Cát Hanh	1.750,000	1.750,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao Thông				
	Hệ thống đường giao thông khu trung tâm Chợ Gồm: Hạng mục: Mở rộng mặt đường BTXM, thảm nhựa và hệ thống thoát nước	250,000	250,000		
	Tiêu chí: Môi trường				
	Xây dựng hoa viên công viên cây xanh và hệ thống thoát nước	1.500,000	1.500,000		
2.3	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2023				
	Xã Cát Trinh	750,000	300,000	450,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM. Tuyến từ nhà ông Nguyễn Tư đến nhà bà Trầm xóm 1 Phú Kim	300,000	300,000		
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Trường THCS Cát Trinh, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 8 phòng (4 phòng học, 4 phòng bộ môn).	450,000		450,000	
2.4	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM nâng cao năm 2024				
	Xã Cát Nhơn	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Đầu tư xây dựng các tuyến đường khu trung tâm xã Cát Nhơn	2.000,000	2.000,000		
	Xã Cát Tài	2.000,000	1.573,000	427,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao Thông				
	Sửa chữa, mở rộng đường GTNT xã Cát Tài, Tuyến: từ cổng làng văn hóa thôn Thái Phú đến đường cạnh tranh Nông Nghiệp	800,000	800,000		
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông xã Cát Tài để đạt tiêu chí giao thông của xã nông thôn mới nâng cao năm 2024; Tuyến 1: Từ ĐT 633 (Chợ Tam Thuộc) đến đường cạnh tranh Nông+ nghiệp; Tuyến 2: Cây số 6 đến đường cạnh tranh nông nghiệp (Đường chợ Gò muống cũ); Tuyến 3: Từ cổng làng thôn Chánh Danh- ĐT 633 ngõ trợ- đến cầu ông Tờ; Tuyến 4: Từ trạm điện thôn Phú Hiệp đến giáp Trung Chánh- Cát Minh.	600,000	600,000		
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Nhà văn hóa thôn Chánh Danh	200,000	173,000	27,000	
	Sửa chữa, nâng cấp các nhà văn hóa thôn	400,000		400,000	
2.5	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM kiểu mẫu năm 2024				
	Xã Cát Minh	985,852	985,852	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xô số kiến thiết	
	Tiêu chí: Giao Thông				
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông xã Cát Minh để đạt tiêu chí giao thông của xã nông thôn mới nâng cao năm 2021- Tuyến: Từ đường ĐT 633 đến An Trị đến ngã tư Trung An; tuyến: Từ ngã tư Trung An đến giáp xã Cát Tài; tuyến: Từ ĐT 633 đến cầu Bến Đò (Đoạn từ nhà thầy Thành đến cầu Bến Đò); tuyến: Từ đường ĐT 633 - giáp xã Mỹ Cát và tuyến: Từ đường ĐT 633 - đến Trung Bình, thôn Trung Chánh	985,852	985,852		
3	Thị xã Hoài Nhơn	4.750,000	4.377,00	373,00	
3.1	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2023				
	Xã Hoài Châu Bắc	750,000	377,000	373,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ cầu giữa đến nhà bà Đường - Gia An Đông	78,000	78,000		
	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ đập sông mới đến Chùm Gọng - Hy Thế	123,000	123,000		
	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ ruộng ông Măng đến ngõ Tiểu - Gia An	176,000	176,000		
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Sửa chữa Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Hoài Châu Bắc	293,000		293,000	
	Tiêu chí: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				
	Nâng cấp, sửa chữa chợ Đàng xã Hoài Châu Bắc	80,000		80,000	
3.2	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM nâng cao năm 2024				
	Xã Hoài Châu	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	0,000			
	Tiêu chí: Giao thông				
	Thảm nhựa tuyến đường Đội thuế - ngõ Hồng (đường xã)	105,263	105,263		
	Thảm nhựa tuyến đường ngõ Xuân - ngõ Hượng (đường xã)	184,211	184,211		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
	Bó vỉa, vỉa hè tuyến đường Đội thuế - ngõ Hồng (đường xã)	315,789	315,789		
	Bó vỉa, vỉa hè tuyến đường ngõ Mười - ngõ A (đường xã)	315,789	315,789		
	Bó vỉa, vỉa hè tuyến đường ngõ Xuân - ngõ Hượng (đường xã)	263,158	263,158		
	Cầu Đập Cẩm thuộc tuyến đường Phụng Du - Túy Sơn	684,211	684,211		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ĐH11 - cầu mương Cái	131,579	131,579		
	Xã Hoài Mỹ	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Tuyến đường Hóc Tranh Định Công đi Hà Xuyên Công Lương	1.000,000	1.000,000		
	Tiêu chí: Thủy lợi và phòng chống thiên tai				
	Nâng cấp, mở rộng tuyến mương Hoà Bình, xã Hoài Mỹ	1.000,000	1.000,000		
4	Huyện An Lão	4.000,000	2.000,00	2.000,00	
4.1	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM năm 2024				
	Xã An Quang	4.000,000	2.000,000	2.000,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ đồng Mây đến đồng Bo	800,000	800,000		
	Tiêu chí: Thủy lợi và phòng chống thiên tai				
	Làm mới đập ruộng Rền	600,000	600,000		
	Làm mới đập nước Rung	600,000	600,000		
	Tiêu chí: cơ sở vật chất văn hóa				
	Chỉnh trang khu sinh hoạt văn hóa, điểm vui chơi giải trí và thể thao xã An Quang	1.000,000		1.000,000	
	Tiêu chí: Môi trường và an toàn thực phẩm				
	Làm mới hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn 5	1.000,000		1.000,000	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xỏ sổ kiến thiết	
5	Huyện Hoài Ân	10.050,000	7.250,00	2.800,00	
5.1	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2021				
	Xã Ân Tín	2.300,000	2.300,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Xây dựng mới cầu Cây Me- Vĩnh Đức	1.300,000	1.300,000		
	BTXM đường vào bãi rác thôn Vạn Hội 1	300,000	300,000		
	Tiêu chí: Thủy lợi và phòng chống thiên tai				
	Mương máy đội 8+9 Năng An	300,000	300,000		
	Mương tưới đội 9 Thanh Lương	200,000	200,000		
	Mương Đồng Đế- Trỏ giữa	200,000	200,000		
5.2	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2022				
	Xã Ân Tường Tây	1.750,000	1.350,000	400,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Tuyến đường Hà Sơn ra Hà Giang thôn Hà Tây	1.350,000	1.350,000		
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Nâng cấp sửa chữa sân vận động xã	400,000		400,000	
5.3	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM năm 2024				
	Xã Ân Hào Tây	4.000,000	3.100,000	900,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp mở rộng tuyến suối le Tân Xuân đi Hóc Chùa	1.000,000	1.000,000		
	Tuyến từ UBND xã Ân Hào Tây đến cầu Ân Hào Tây	800,000	800,000		
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Sửa chữa, nâng cấp các nhà văn hóa thôn	900,000		900,000	
	Tiêu chí: Môi trường				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xỏ sổ kiến thiết	
	Xây dựng hệ thống thoát nước trước UBND xã Ân Hào Tây	500,000	500,000		
	Sửa chữa hệ thống nước sạch Ân Hào Tây	800,000	800,000		
5.4	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM nâng cao năm 2024				
	Xã Ân Thạnh	2.000,000	500,000	1.500,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp các tuyến đường, biển báo, giảm tốc.	500,000	500,000		
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Xây dựng tường rào, cổng ngõ sân vận động xã	800,000		800,000	
	Sửa chữa các nhà văn hóa thôn, thiết chế nhà văn hóa, các điểm công cộng	700,000		700,000	
6	Thị xã An Nhơn	11.300,000	9.800,00	1.500,00	
6.1	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2021				
	Xã Nhơn Phong	2.300,000	2.300,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp mở rộng , BTXM đường nội đồng ngõ ông Hoàng đến đồng bờ Chải - Kim Tài	200,000	200,000		
	BTXM Đường nội đồng cầu cây gạo đến trường Mẫu giáo cũ Liêm Lợi	400,000	400,000		
	BTXM tuyến DS1 Trường Hòa Bình	350,000	350,000		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thanh Giang - Trung Định	1.350,000	1.350,000		
6.2	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2022				
	Xã Nhơn Lộc	1.750,000	1.750,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Lập 3 đoạn từ nhà ông Trương Văn Điền đến nhà bà Hồ Thị Hạnh	1.750,000	1.750,000		
	Xã Nhơn An	1.750,000	1.750,000	0,000	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Dân-Bình Thạnh (Đoạn cổng làng thôn Tân Dương đến giáp cầu Phú Đa Tân Dân) Giai đoạn 2	1.750,000	1.750,000		
6.3	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2023				
	Xã Nhơn Tân	750,000	0,000	750,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Xây dựng nâng cấp sân vận động trung tâm xã	400,000		400,000	
	Tiêu chí: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				
	Mở rộng Chợ Nhơn Tân	350,000		350,000	
	Xã Nhơn Khánh	750,000	0,000	750,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Đầu tư xây dựng, sửa chữa sân vận động xã Nhơn Khánh	750,000		750,000	
6.4	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM nâng cao năm 2024				
	Xã Nhơn Hạnh	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ giáp đường ĐT 631 (Cầu chữ Y đi Cầu Bà Trinh)	1.200,000	1.200,000		
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bê tông giao thông từ Cầu Chữ Y Nhơn Thiện đi Thái Bình 1 (Thái Xuân) trên tuyến ĐH37 (Giai đoạn 1)	800,000	800,000		
	Xã Nhơn Mỹ	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				

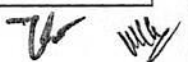
STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
	Mở rộng tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Tân Đức đến nhà ông Lê Văn Hải	660,000	660,000		
	Tiêu chí: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				
	Nâng cấp các hạng mục chợ trung tâm xã thuộc khu Gò Quánh	1.340,000	1.340,000		
7	Huyện Tuy Phước	12.185,000	5.835,00	6.350,00	
7.1	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2021				
	Xã Phước Sơn	2.300,000	0,000	2.300,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Xây dựng Nhà tập luyện đa năng Trường THCS Phước Sơn 1	1.200,000		1.200,000	
	Xây dựng Nhà tập luyện đa năng Trường THCS Phước Sơn 2	1.100,000		1.100,000	
7.2	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2022				
	Xã Phước Nghĩa	1.750,000	1.750,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Thảm nhựa tuyến đường ĐH 42 đến ĐT 640	840,000	840,000		
	Nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa tuyến ĐH 42 đến nhà ông Chuyển	70,000	70,000		

Thư ký



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xố số kiến thiết	
	Thảm nhựa tuyến đường ĐT 640 đến trường bản	840,000	840,000		
	Xã Phước Quang	1.750,000	1.385,000	365,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao Thông				
	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ trung tâm xã đến Tri Thiện (giáp Tây Đầm)	500,000	500,000		
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Xây dựng nhà thi đấu đa năng trường THCS Phước Quang	365,000	0,000	365,000	
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Văn Quang, xã Phước Quang	360,000	360,000		
	Tiêu chí: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				
	Xây dựng, nâng cấp chợ Định Thiện Tây	525,000	525,000		
7.3	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2023				
	Xã Phước Hưng	750,000	0,000	750,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Phước Hưng; Hạng mục: Đèn bù giải phóng mặt bằng, San nền, tường rào, Nhà đa năng	750,000		750,000	
7.4	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM kiểu mẫu năm 2023				
	Xã Phước Quang	635,000	0,000	635,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Xây dựng nhà thi đấu đa năng trường THCS Phước Quang	635,000		635,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
7.5	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM nâng cao năm 2024				
	Xã Phước Hiệp	2.000,000	700,000	1.300,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nội đồng từ HTX NN I đến cầu Chờ Đợi thôn Đại Lễ	300,000	300,000		
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Xây dựng Nhà tập luyện đa năng Trường THCS Phước Hiệp	1.000,000		1.000,000	
	Xây dựng tường rào Trường TH số 2 Phước Hiệp (cụm chính)	300,000		300,000	
	Tiêu chí: Môi trường				
	Nhà xử lý rác thải hữu cơ, nhà tập kết chất thải nguy hại, Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	400,000	400,000		
	Xã Phước Lộc	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm - văn hoá xã	500,000	500,000		
	Nâng cấp, sửa chữa lắp đặt thiết chế 11 Nhà văn hoá thôn trên địa bàn xã Phước Lộc	1.500,000	1.500,000		
7.6	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về đích NTM kiểu mẫu năm 2024				
	Xã Phước Hưng	1.000,000	0,000	1.000,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giáo dục				
	Nhà đa năng trường TH số 1 Phước Hưng	700,000		700,000	
	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Phước Hưng; Hạng mục: Điền bù giải phóng mặt bằng, San nền, tường rào, Nhà đa năng	300,000		300,000	
8	Huyện Tây Sơn	9.050,000	9.050,00	0,00	
8.1	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2021				
	Xã Tây Phú	2.300,000	2.300,000	0,000	





STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	BTGT từ Suối Cỏ Cò đến giáp đường Bảo tàng Quang Trung - Hàm Hô	500,000	500,000		
	BTGT từ Gò Cây di giáp đường Bảo tàng Quang Trung - Hàm Hô	375,000	375,000		
	BTGT từ Chùa Phước Sơn đến Mương Lộc Giang	114,000	114,000		
	Từ Cầu Đồi thôn Phú Thọ đi Phú Văn TT Phú Phong	233,000	233,000		
	Mở rộng BTXM từ nhà Trần Văn Hải đến nhà Chu Quốc Liệu	128,000	128,000		
	BTGT từ Cầu Hóc La đến ngã tư đường vào Gò Cây	550,000	550,000		
	BTGT từ Trần Lâm đến đường bê tông Xóm Chuồng Gà	400,000	400,000		
8.2	Tiếp tục hỗ trợ xã đã được công nhận xã NTM nâng cao năm 2022				
	Xã Bình Tường	1.750,000	1.750,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	Xây dựng cầu qua Hòa Lộc Hạ - thôn Hòa Hiệp, xã Bình Tường	72,000	72,000		
	Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung	398,000	398,000		
	Tiêu chí văn hóa				
	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường. Hạng mục: Nhà Văn hóa - Thể thao Đa năng; phòng thư viện, Phòng hội ý và khu vệ sinh; sân bê tông và bồn hoa	807,000	807,000		
	Mở rộng, thảm nhựa tuyến đường vào trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường	238,000	238,000		
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường. Hạng mục: Tường rào cổng ngõ; Sân bóng đá, dụng cụ thể thao ngoài trời, điện chiếu sáng, trồng cây xanh	235,000	235,000		
8.3	Hỗ trợ vốn xã NTM mới bổ sung năm 2023				
	Xã Tây Giang	3.000,000	3.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xỏ số kiến thiết	
	Từ lò gạch đến ruộng Hóc dèo	650,000	650,000		
	Từ BTXM đến nhà Trần Thị Nguyệt	280,000	280,000		
	Từ BTXM đến Thủy	300,000	300,000		
	Từ BTXM đến Đồng Cải Tạo	520,000	520,000		
	Tuyến từ Ao Nước Nhi đến Cúc Ụ	500,000	500,000		
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Nhà văn hóa thôn Nam Giang	450,000	450,000		
	Xây dựng 01 nhà lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, diện tích 9m ² và xây bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật (3ha đất trồng lúa/bể): 120 bể	300,000	300,000		
8.4	Hỗ trợ vốn xã dự kiến về dịch NTM nâng cao năm 2024				
	Xã Tây Xuân	2.000,000	2.000,000	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Giao thông				
	BTXM nội đồng tuyến từ đường bê tông vào Hòa Tây xuống mương ngang và đường nội đồng cải tạo đất sét.	350,000	350,000		
	Nâng cấp sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến từ Trung tâm xã đến Làng Cam	1.057,000	1.057,000		
	Tiêu chí: Thủy lợi và phòng chống thiên tai				
	Kênh mương từ Trạm bơm đến QL 19 (dưới cà phê Nối Nhở)	117,000	117,000		
	Kênh mương tuyến từ ngã ba nhà ông Chắp đến ngã tư nhà ông Châu	107,000	107,000		
	Kênh mương bê tông khu vực Đồng Bé	207,000	207,000		
	Bê tông kênh mương tuyến dọc bờ đê Đồng Nà từ QL 19 đến đập dâng Phú Phong	162,000	162,000		
9	Huyện Vân Canh	2.206,148	2.206,15	0,00	
9.1	Hỗ trợ các xã huyện Vân Canh thanh toán KLHT các công trình NTM, từ năm 2023 vốn NSTW không tiếp tục hỗ trợ nên bị hụt nguồn				
	Xã Canh Thuận	901,181	901,181	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2024			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn tiền sử dụng đất	Nguồn vốn xỏ sổ kiến thiết	
	Tiêu chí: Giao thông				
	Tuyến từ BTXM đất tập thể đến suối Kà Xim	477,644	477,644		
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp khu sinh hoạt cộng đồng xã Canh Thuận	423,537	423,537		
	Xã Canh Liên	1.304,967	1.304,967	0,000	
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Văn hóa				
	Xây dựng nhà văn hóa truyền thống xã Canh Liên	1.238,655	1.238,655		
b	Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)				
	Tiêu chí: Môi trường				
	Nghĩa địa làng Canh Tiến (Tường rào, cổng ngõ, cột mốc)	66,312	66,312		

TH MC